



吳鳳科技大學
WUFENG UNIVERSITY



Hệ dự bị Đại học Quốc tế 1+4

Nhập học kì mùa thu tháng 9 năm 2025 & xuân tháng 2 năm 2026

2025年9月秋季班、2026年2月春季班入學 國際專修部(1+4)

Kì mùa thu 秋季班

【Giai đoạn 1 / 第一階段】

Hạn chót báo danh ngày 15 tháng 06 năm 2025.
2025年06月15日截止報名

【Giai đoạn 2 / 第二階段】

Hạn chót báo danh ngày 15 tháng 07 năm 2025.
2025年07月15日截止報名

Kì mùa xuân 春季班

【Giai đoạn 1 / 第一階段】

Hạn chót báo danh ngày 31 tháng 10 năm 2025.
2025年10月31日截止報名

【Giai đoạn 2 / 第二階段】

Hạn chót báo danh ngày 30 tháng 11 năm 2025.
2025年11月30日截止報名

- Khoa Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thông minh / 機械與智慧製造工程系
- Khoa Cơ điện tử/電機工程系

Năm học 修業年限			Học phí và tạp phí *學雜費(Học kỳ 每學期)	Phí ở ktx 4 người/phòng 4人房住宿費(Học kỳ 每學期)
Năm 1 第1年	Học kỳ 1 第一學期		Miễn học phí (免學費) Tạp phí (雜費) NT\$16,250 (US\$520)	NT\$13,000 (US\$416) bao gồm Wi-Fi (含Wi-fi)
	Học kỳ 2 第二學期	A1 trở lên A1以上	Miễn học phí (免學費) Tạp phí (雜費) NT\$16,250 (US\$520)	
		Không A1 沒有A1	Miễn 1/2 học phí (免1/2學費) NT\$19,890 (US\$636) Tạp phí (雜費) NT\$16,250 (US\$520)	
Năm 2 第2年	Học kỳ 1 第一學期		Miễn học phí (免學費) Tạp phí (雜費) NT\$16,250 (US\$520)	
	Học kỳ 2 第二學期	B1 trở lên B1以上	Miễn 1/2 học phí (免1/2學費) NT\$19,890 (US\$636) Tạp phí (雜費) NT\$16,250 (US\$520)	
		A2 trở lên A2以上	NT\$56,030 (US\$1,800)	
Năm 3 đến năm 5 第3至5年			NT\$56,030 (US\$1,800)	



※ Sinh viên đến lớp trên 80% số giờ học của học kỳ trước đủ điều kiện nhận học bổng trên. (上學期出席率達80%以上符合條件領取獎學金)

※ Các khoản phí và học bổng vui lòng tham khảo chi tiết trong gián chương, nhà trường có quyền bảo lưu hoặc sửa đổi theo quy định của Bộ Giáo dục. (費用及獎學金請詳閱簡章, 本校保留或依據教育部法規修改之權利)



Learn and Earn a Degree

聯絡方式/Contact Us/Phương thức liên lạc

Add: 62153 嘉義縣民雄鄉建國路二段117號

117, Sec 2, Chiankuo Rd, Minhsiung, Chiayi County 62153, Taiwan, R.O.C.

V.2024.12.02~2025.11.30

TEL: +886-5-2267125 # 21931-21934

E-mail : iac@wfu.edu.tw

Website : https://ifp.wfu.edu.tw/



吳鳳科技大學
WUFENG UNIVERSITY



Hệ dự bị Đại học Quốc tế 1+4

Nhập học kì mùa thu tháng 9 năm 2025 & xuân tháng 2 năm 2026

2025年9月秋季班、2026年2月春季班入學 國際專修部(1+4)

Kì mùa thu 秋季班

【Giai đoạn 1 / 第一階段】

Hạn chót báo danh ngày 15 tháng 06 năm 2025.
2025年06月15日截止報名

【Giai đoạn 2 / 第二階段】

Hạn chót báo danh ngày 15 tháng 07 năm 2025.
2025年07月15日截止報名

Kì mùa xuân 春季班

【Giai đoạn 1 / 第一階段】

Hạn chót báo danh ngày 31 tháng 10 năm 2025.
2025年10月31日截止報名

【Giai đoạn 2 / 第二階段】

Hạn chót báo danh ngày 30 tháng 11 năm 2025.
2025年11月30日截止報名

- Khoa Quản lý Du lịch và Giải trí / 觀光休閒管理系
- Khoa Quản lý Nhà hàng Khách sạn / 餐旅管理系

Năm học 修業年限			Học phí và tạp phí *學雜費(Học kỳ 每學期)	Phí ở ktx 4 người/phòng 4人房住宿費(Học kỳ 每學期)
Năm 1 第1年	Học kỳ 1 第一學期		Miễn học phí (免學費) Tạp phí (雜費) NT\$11,080 (US\$355)	NT\$13,000 (US\$416) bao gồm Wi-Fi (含Wi-fi)
	Học kỳ 2 第二學期	A1 trở lên A1以上	Miễn học phí (免學費) Tạp phí (雜費) NT\$11,080 (US\$355)	
		Không A1 沒有A1	Miễn 1/2 học phí (免1/2學費) NT\$19,020 (US\$608) Tạp phí (雜費) NT\$11,080 (US\$355)	
Năm 2 第2年	Học kỳ 1 第一學期		Miễn học phí (免學費) Tạp phí (雜費) NT\$11,080 (US\$355)	
	Học kỳ 2 第二學期	B1 trở lên B1以上	Miễn 1/2 học phí (免1/2學費) NT\$19,020 (US\$608) Tạp phí (雜費) NT\$11,080 (US\$355)	
		A2 trở lên A2以上	NT\$49,120 (US\$1,572)	
Năm 3 đến năm 5 第3至5年			NT\$49,120 (US\$1,572)	



※ Sinh viên đến lớp trên 80% số giờ học của học kỳ trước đủ điều kiện nhận học bổng trên. (上學期出席率達80%以上符合條件領取獎學金)

※ Các khoản phí và học bổng vui lòng tham khảo chi tiết trong giản chương, nhà trường có quyền bảo lưu hoặc sửa đổi theo quy định của Bộ Giáo dục. (費用及獎學金請詳閱簡章・本校保留或依據教育部法規修改之權利)



Learn and Earn a Degree

聯絡方式/Contact Us/Phương thức liên lạc

Add: 62153 嘉義縣民雄鄉建國路二段117號

117, Sec 2, Chiankuo Rd, Minhsiung, Chiayi County 62153, Taiwan, R.O.C.

V.2024.12.02~2025.11.30

TEL: +886-5-2267125 # 21931-21934

E-mail : iac@wfu.edu.tw

Website : <https://ifp.wfu.edu.tw/>